TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM MỸ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 16/7/2020
"V/v: không công nhận vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tường Vy
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Đinh Văn Phúc;
2. Ông Hồ Viết Ân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: ông Dương Văn Khánh – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 134/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2020 về việc "Không công nhận vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Nguyễn Công H – 1957; Địa chỉ: tổ 5, ấp L, xã B, huyện C, tỉnh Đ. *(có mặt)*

2. Bị đơn: bà Trần Thị Đ – 1964; Địa chỉ: tổ 5, ấp L, xã B, huyện C, tỉnh Đ. *(Có mặt)*

NHẬN THẤY:

* Theo đơn khởi kiện ngày 09/3/2020, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là ông Nguyễn Công H trình bày: Vào năm khoảng tháng 3/1987, ông và bà Trần Thị Đ chung sống với nhau nhưng cho đến hôm nay ông bà vẫn chưa đăng ký kết hôn; đây là hôn nhân lần đầu của cả 2 người.

Quá trình chung sống ông và bà Đ có 03 người con chung là:
+ Nguyễn Công Đức D – sinh năm: 1991;
+ Nguyễn Công Đức H – Sinh năm: 1993;
+ Nguyễn Thị Thu H1 – Sinh năm: 1995.

Do vợ chồng sống với nhau không có sự tôn trọng, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nhiều, năm 2017 ông đã thuê nhà riêng ở và sống ly thân cho đến nay. Nay ông yêu cầu ly hôn với bà Đ.

- Về tài sản chung: ông không yêu cầu tòa giải quyết.
- Về nợ chung: không có nên không đề nghị giải quyết.

* Theo bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay bị đơn là bà

Trần Thị Đ trình bày: Bà thống nhất về thời gian chung sống với ông H là vào khoảng tháng 3/1987, đây là hôn nhân đầu tiên của 2 người. vợ chồng có 3 con chung như ông H trình bày. Về mâu thuẫn thì vợ chồng cũng có những mâu thuẫn trong cuộc sống hằng ngày. Nhưng chủ yếu là do ông H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên năm 2017 ông H không ở chung với bà nữa và sống ly thân cho đến nay. Trong quá trình chuẩn bị xét xử thì bà không đồng ý với yêu cầu ly hôn của ông H; tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay bà đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông H.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có.

* Ý kiến của kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Việc thụ lý hồ sơ, thu thập chứng cứ trong vụ án, tiến hành các thủ tục tố tụng khác như: tống đạt giấy triệu tập, ra quyết định xét xử, thời hạn mở phiên tòa là đúng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, HĐXX, thư ký và những người tham gia phiên tòa thực hiện đúng quy định pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX tuyên bố không công nhận ông H và bà Đ là vợ chồng.

XÉT THẤY:

Qua kết quả tranh tụng tại phiên toà và sau nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

- Về quan hệ pháp luật: ông Nguyễn Công H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Trần Thị Đ, con chung đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết, tài sản chung không yêu cầu và nợ chung không có. Tuy nhiên, do ông và Đ không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên đây là vụ án về "Tranh chấp khác về hôn nhân và gia đình", cụ thể là quan hệ tranh chấp về không công nhận vợ chồng theo khoản 8 Điều 28 của BLTTDS.

- Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn là bà Trần Thị Đ có nơi cư trú tại: xã B, huyện C, tỉnh Đ theo Sổ hộ khẩu số 190080206 của Công an xã B cấp ngày 19/6/2009; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ.

[2] Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Công H và bà Trần Thị Đ đã tìm hiểu và tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ khoảng tháng 3/1987. Như vậy, theo Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2000, cũng như Luật HN&GĐ năm 2014 thì thời điểm ông bà chung sống với nhau là tháng 3/1987 thì ông bà đã đủ tuổi để được đăng ký kết hôn và đây cũng là hôn nhân lần đầu tiên của cả 2 người, nên ông bà có đủ điều kiện để kết hôn theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, cho đến thời điểm hiện tại ông H và bà Đ vẫn chưa làm thủ tục để đăng ký kết hôn tại UBND xã theo quy định.

Như vậy, việc ông H và bà Đ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật HN&GĐ năm 2014 nhưng ông bà không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định nên quan hệ hôn nhân của ông bà không được pháp luật công nhận. Vì vậy, HĐXX tuyên bố không công nhận ông Nguyễn Công H và bà Trần Thị Đ là vợ chồng.

+ Về con chung: Ông bà thống nhất có 3 con chung, do các con đã trưởng thành và đủ khả năng lao động nên không đặt ra xem xét về nghĩa vụ nuôi dưỡng đối với con chung.

+ Về tài sản chung: ông H và bà Đ không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

+ Về nợ chung: ông H và bà Đ khai không có nợ chung và hiện tại không có ai có yêu cầu giải quyết về nợ chung của ông bà nên nên không xem xét.

[3] Về án phí: Ông Nguyễn Công H nộp 300.000 đồng án phí DSST.

[4] Quan điểm của đại diện VKSND huyện Cẩm Mỹ phù hợp với quan điểm của HĐXX nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 266 Bộ luật TTDS.

Căn cứ Điều 11 của Luật HN&GĐ năm 2000; Điều 9, 14 của Luật HN&GĐ năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Công H.

1/ Không công nhận ông Nguyễn Công H và bà Trần Thị Đ là vợ chồng.

2/ Về con chung, tài sản chung, nợ chung: không xem xét giải quyết.

3/ Về án phí: ông Nguyễn Công H nộp 300.000 đồng án phí DSST nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ông H đã nộp tại biên lai số 0001942 ngày 11/3/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai. Ông H đã nộp đủ án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh;*
- *VSKND tỉnh, huyện;*
- *Chi cục THADS huyện;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS, AV.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên toà

Phạm Thị Tường Vy